TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH -TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/ HNGD-ST
Ngày: 06-3-2018
V/v "Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lục văn Khai

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Hồng Tĩnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thị Hương Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2017/TLST-HNGD ngày 30 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Ng – sinh năm 1984. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình K – sinh năm 1977. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2017, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị Ng trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè về đánh đập vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng

không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2015, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình K.

Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 15/11/2004 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/9/2006, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị B cho đến khi đủ 18 tuổi; anh K nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình K trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chung sống với chị Phùng Thị Ng từ năm 2003 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được 9 năm đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh hay uống rượu về chửi mắng vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2013, chị Ng bỏ về quê tại xã A, huyện L, tỉnh Yên Bái sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Ng xin ly hôn anh, anh đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Anh và chị Ng có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 15/11/2004 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/9/2006, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Văn N cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đình K có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Yên Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phùng Thị Ng và anh Nguyễn Đình K được xác lập năm 2003, hai bên có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 131- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Do đó, yêu cầu của chị Phùng Thị Ng xin ly hôn anh Nguyễn Đình K sẽ được giải quyết theo quy định tại điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: Không công nhận chị Phùng Thị Ng và anh Nguyễn Đình K là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Phùng Thị Ng anh Nguyễn Đình K thống nhất có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 15/11/2004 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/9/2006. Tại phiên tòa, chị Ng và anh K thỏa thuận chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn N 1.000.000 đồng/1 tháng. Xét thỏa thuận về việc nuôi con của chị Ng và anh K là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Phùng Thị Ng và anh Nguyễn Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09/6/2000; Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phùng Thị Ng và anh Nguyễn Đình K là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 15/11/2004 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/9/2006 cho chị Phùng Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Đình K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn N là

1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khoản tiền cấp dưỡng nêu trên tính từ ngày chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Kết chậm thi hành, thì hàng tháng anh K phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Phùng Thị Ng phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 05296 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị Ng đã nộp đủ).

Anh Nguyễn Đình K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải